**Mẫu số: 03**

*(Kèm theo Công văn số /TCT ngày /4/2020 của Tổ công tác)*

**PHỤ LỤC CHI TIẾT**

**Văn bản quy phạm pháp luật ..........................[[1]](#footnote-1)**

**có quy định mâu thuẫn, chồng chéo, bất cập,**

**không còn phù hợp với thực tiễn, gây khó khăn, kìm hãm sự phát triển**

**A. VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT CÓ QUY ĐỊNH MÂU THUẪN, CHỒNG CHÉO**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên văn bản được rà soát[[2]](#footnote-2)** | **Nội dung quy định** **của văn bản được rà soát[[3]](#footnote-3)** | **Nội dung quy định** **của văn bản liên quan** **là căn cứ để rà soát,** **đối chiếu[[4]](#footnote-4)**  | **Phân tích quy định mâu thuẫn,** **chồng chéo gây khó khăn, kìm hãm** **sự phát triển**  | **Phương án xử lý[[5]](#footnote-5);** **Thời hạn xử lý** **hoặc kiến nghị xử lý** |
| I. BỘ LUẬT, LUẬT, NGHỊ QUYẾT CỦA QUỐC HỘI [[6]](#footnote-6) |
| 1. |  |  |  |  |  |
| 2. |  |  |  |  |  |
| … |  |  |  |  |  |
| II. PHÁP LỆNH, NGHỊ QUYẾT CỦA ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI [[7]](#footnote-7) |
| 1. |  |  |  |  |  |
| 2. |  |  |  |  |  |
| … |  |  |  |  |  |
| III. NGHỊ ĐỊNH CỦA CHÍNH PHỦ [[8]](#footnote-8) |
| 1. |  |  |  |  |  |
| 2. |  |  |  |  |  |
| … |  |  |  |  |  |
| IV. QUYẾT ĐỊNH CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ [[9]](#footnote-9) |
| 1. |  |  |  |  |  |
| 2. |  |  |  |  |  |
| … |  |  |  |  |  |
| V. THÔNG TƯ, THÔNG TƯ LIÊN TỊCH [[10]](#footnote-10) |
| 1. |  |  |  |  |  |
| 2. |  |  |  |  |  |
| … |  |  |  |  |  |
| VI. VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT KHÁC [[11]](#footnote-11) |
| 1. |  |  |  |  |  |
| 2. |  |  |  |  |  |
| … |  |  |  |  |  |

**B. VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT CÓ QUY ĐỊNH BẤT CẬP, KHÔNG CÒN PHÙ HỢP VỚI THỰC TIỄN**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên văn bản được rà soát** | **Nội dung quy định** **của văn bản** **được rà soát[[12]](#footnote-12)** | **Phân tích quy định bất cập, không phù hợp** **với thực tiễn[[13]](#footnote-13), gây khó khăn, kìm hãm** **sự phát triển**  | **Phương án xử lý[[14]](#footnote-14);** **Thời hạn xử lý** **hoặc kiến nghị xử lý** |
| I. BỘ LUẬT, LUẬT, NGHỊ QUYẾT CỦA QUỐC HỘI |
| 1. |  |  |  |  |
| 2. |  |  |  |  |
| … |  |  |  |  |
| II. PHÁP LỆNH, NGHỊ QUYẾT CỦA ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI |
| 1. |  |  |  |  |
| 2. |  |  |  |  |
| … |  |  |  |  |
| III. NGHỊ ĐỊNH CỦA CHÍNH PHỦ |
| 1. |  |  |  |  |
| 2. |  |  |  |  |
| … |  |  |  |  |
| IV. QUYẾT ĐỊNH CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ |
| 1. |  |  |  |  |
| 2. |  |  |  |  |
| … |  |  |  |  |
| V. THÔNG TƯ, THÔNG TƯ LIÊN TỊCH |
| 1. |  |  |  |  |
| 2. |  |  |  |  |
| … |  |  |  |  |
| VI. VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT KHÁC |
| 1. |  |  |  |  |
| 2. |  |  |  |  |
| … |  |  |  |  |

1. Ghi tên chuyên đề/lĩnh vực quy định pháp luật được rà soát theo Quyết định số 823/QĐ-TCT về việc phân công thành viên Tổ công tác, Tổ giúp việc và Bộ phận thường trực tham gia các Nhóm rà soát văn bản quy phạm pháp luật [↑](#footnote-ref-1)
2. Sắp xếp theo tiêu chí: hình thức văn bản, thứ tự thời gian ban hành văn bản từ văn bản được ban hành trước đến văn bản được ban hành sau. [↑](#footnote-ref-2)
3. Nêu rõ điều, khoản, điểm của văn bản được rà soát có quy định mâu thuẫn, chồng chéo. [↑](#footnote-ref-3)
4. Nêu nội dung quy định cụ thể của văn bản quy phạm pháp luật liên quan là căn cứ đối chiếu để xác định các quy định mâu thuẫn, chồng chéo. [↑](#footnote-ref-4)
5. Nêu rõ phương án xử lý: Xác định rõ hình thức xử lý văn bản cụ thể (bao gồm: đình chỉ thi hành, sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ, ban hành mới). [↑](#footnote-ref-5)
6. Các Bộ luật, luật, nghị quyết của Quốc hội có nội dung mâu thuẫn, chồng chéo với nhau hoặc có mâu thuẫn, chồng chéo tại chính văn bản đó. [↑](#footnote-ref-6)
7. Các pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội có nội dung mâu thuẫn, chồng chéo với nhau; mâu thuẫn, chồng chéo tại chính văn bản đó hoặc mâu thuẫn, chồng chéo với văn bản quy phạm pháp luật của Quốc hội. [↑](#footnote-ref-7)
8. Các Nghị định của Chính phủ có nội dung mâu thuẫn, chồng chéo với nhau; mâu thuẫn, chồng chéo tại chính văn bản đó hoặc mâu thuẫn, chồng chéo với văn bản quy phạm pháp luật của Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội. [↑](#footnote-ref-8)
9. Các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ có nội dung mâu thuẫn, chồng chéo với nhau; mâu thuẫn, chồng chéo tại chính văn bản đó hoặc mâu thuẫn, chồng chéo với văn bản quy phạm pháp luật của Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chính phủ. [↑](#footnote-ref-9)
10. Các Thông tư, Thông tư liên tịch có nội dung mâu thuẫn, chồng chéo với nhau; mâu thuẫn, chồng chéo tại chính văn bản đó hoặc mâu thuẫn, chồng chéo với văn bản quy phạm pháp luật của Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ. [↑](#footnote-ref-10)
11. Các văn bản quy phạm pháp luật khác (không thuộc hệ thống văn bản quy phạm pháp luật quy định tại Điều 4 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 đến nay vẫn còn hiệu lực) có nội dung mâu thuẫn, chồng chéo với các văn bản quy phạm pháp luật do các cơ quan, người có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật ở Trung ương ban hành. [↑](#footnote-ref-11)
12. Nêu rõ điều, khoản, điểm của văn bản được rà soát có quy định bất cập hoặc không còn phù hợp với thực tiễn. [↑](#footnote-ref-12)
13. Thông tin thực tiễn có thể căn cứ vào chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước; kết quả điều tra, khảo sát và thông tin thực tiễn thu thập từ quá trình theo dõi, quản lý nhà nước liên quan đến đối tượng, phạm vi điều chỉnh của văn bản được rà soát; phản ánh, kiến nghị của cơ quan, tổ chức, cá nhân. [↑](#footnote-ref-13)
14. Nêu rõ phương án xử lý: Xác định rõ hình thức xử lý văn bản cụ thể (bao gồm: đình chỉ thi hành, sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ, ban hành mới). [↑](#footnote-ref-14)